

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về khu công nghệ cao

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ cao.

Chương I

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về việc quy hoạch, thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, hoạt động của khu công nghệ cao, cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: Cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Khu công nghệ cao* là khu vực đặc biệt, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này nhằm tập trung, liên kết một cách có hiệu quả hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao và các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác để phục vụ mục đích tăng trưởng kinh tế - xã hội và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

2. *Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao* là cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

3. *Cơ quan quản lý khu công nghệ cao* là cơ quan trực thuộc cơ quan chủ quản khu công nghệ cao, giúp cơ quan chủ quản khu công nghệ cao trực tiếp quản lý và điều hành quá trình xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; thực hiện một số chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

4. *Tỷ lệ lắp đầy của khu công nghệ cao* là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất nhà đầu tư đã sử dụng sau khi được giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao, cho thuê theo quy hoạch phân khu được phê duyệt.

5. *Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo* là hệ sinh thái trong đó quá trình đổi mới sáng tạo diễn ra, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, tổ chức tài chính, cơ quan quản lý nhà nước với các thể chế chính sách góp phần tạo ra sản phẩm mới, quy trình mới, phương pháp tiếp thị mới, phương thức tổ chức mới, được áp dụng để mang lại lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội.

### **Điều 3. Mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao**

1. Mục tiêu của khu công nghệ cao là trở thành trung tâm nghiên cứu và triển khai, ứng dụng, chuyển giao, phát triển công nghệ cao; nơi ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; nơi đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, cung ứng dịch vụ và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, đóng vai trò quan trọng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thông qua tập trung, thúc đẩy, liên kết theo chuỗi giữa các trường đại học, tổ chức nghiên cứu và triển khai, doanh nghiệp và liên kết chúng với thị trường trong các hoạt động: nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao; phát triển sản xuất, cung ứng dịch vụ và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao.

2. Khu công nghệ cao có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng, chuyển giao, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.
- b) Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao;
- c) Tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm công nghệ cao từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao;
- d) Thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghệ cao.
- d) Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

#### **Điều 4. Phân loại khu công nghệ cao**

1. Khu công nghệ cao quốc gia là các khu công nghệ cao đóng vai trò là trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm trong nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong đó vốn ngân sách trung ương chiếm tỷ lệ tối thiểu 30% tổng kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung và phân khu.

Các khu công nghệ cao quốc gia bao gồm Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng và các khu công nghệ cao được thành lập sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, đáp ứng điều kiện thành lập đối với khu công nghệ cao quốc gia quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Các khu công nghệ cao khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này là các khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và/hoặc nguồn vốn ngoài ngân sách, đáp ứng điều kiện thành lập quy định tại Điều 6 Nghị định này.

## **Chương II**

### **THÀNH LẬP, MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO**

#### **Điều 5. Phương án phát triển khu công nghệ cao**

1. Phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt phù hợp với phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng và định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội trong quy hoạch quốc gia là căn cứ để xem xét việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ cao.

2. Phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao;

b) Phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch sử dụng đất của địa phương, trong đó ưu tiên phần đất đã được quy hoạch cho xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế để xây dựng khu công nghệ cao;

c) Có các điều kiện thuận lợi hoặc có khả năng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng, triển khai đồng bộ và kết hợp chặt chẽ giữa phát triển khu

công nghệ cao với quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, nhà ở và các công trình xã hội, văn hóa, thể thao phục vụ lao động làm việc trong khu công nghệ cao.

d) Có đủ điều kiện để phát triển khu công nghệ cao gồm:

- Có quỹ đất dự trữ để phát triển và có điều kiện liên kết với các khu công nghiệp;

- Có khả năng thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài;

- Có khả năng cung cấp và đáp ứng nhu cầu về lao động;

- Có khả năng liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, đào tạo nhân lực công nghệ cao với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao;

đ) Đảm bảo phù hợp với các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.

3. Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đối với nội dung liên quan đến phát triển khu công nghệ cao làm cơ sở để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

Trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập khu công nghệ cao chưa có trong quy hoạch cấp tỉnh đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần đồng thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch cấp tỉnh.

#### **Điều 6. Điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Điều kiện thành lập khu công nghệ cao:

- a) Phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- b) Đáp ứng các điều kiện thành lập khu công nghệ cao quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12.

- c) Đối với các khu công nghệ cao quốc gia, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b Khoản này còn phải là khu công nghệ cao có tính chất đa ngành, đa lĩnh vực, đặt tại thành phố trực thuộc Trung ương và có quy mô diện tích tối thiểu 1.000 ha, trừ các khu được giao đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014.

- d) Đáp ứng điều kiện về nguồn vốn tương ứng với phân loại khu công nghệ cao tại Điều 4 Nghị định này.

2. Điều kiện mở rộng khu công nghệ cao:

- a) Có tính cấp thiết;

- b) Phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao đã được hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt.

d) Tỉ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao đạt tối thiểu 70%.

đ) Kết quả hoạt động của khu công nghệ cao đạt tối thiểu 70% so với kế hoạch phát triển hàng năm và từng thời kỳ.

e) Đáp ứng điều kiện về nguồn vốn tương ứng với phân loại khu công nghệ cao tại Điều 4 Nghị định này.

#### **Điều 7. Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Đề án thành lập khu công nghệ cao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc thành lập;

- Báo cáo phân tích khả năng đáp ứng quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

- Đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến xây dựng khu công nghệ cao.

- Bản mô tả phương hướng phát triển khu, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ cao; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được;

- Dự kiến tổng mức đầu tư, phương thức huy động nguồn vốn và kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng;

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và vận hành khu;

- Bản đồ thể hiện các định hướng quy hoạch;

- Đánh giá về vấn đề bảo vệ môi trường, bao gồm: Đánh giá tổng thể chung về các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường; xác định các thành phần môi trường, kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng và mức độ tác động khi thành lập khu công nghệ cao; xây dựng giải pháp bảo vệ môi trường khi khu công nghệ cao đi vào hoạt động; các nội dung khác (nếu có) theo quy định pháp luật về môi trường; đánh giá về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Phương án về cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

2. Đề án mở rộng khu công nghệ cao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc mở rộng khu công nghệ cao, bao gồm cả các dẫn chứng, tài liệu chứng minh phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

- Đánh giá các điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực dự kiến mở rộng khu công nghệ cao;

- Bản mô tả phương hướng phát triển cho phần mở rộng và cho toàn bộ khu sau mở rộng, gồm mục tiêu phát triển, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng phát triển các hoạt động công nghệ cao; định hướng phát triển các khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu vực dự kiến mở rộng; phương án kết nối hạ tầng với khu công nghệ cao hiện hữu; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến đạt được;

- Dự kiến tổng mức đầu tư cho phần mở rộng và toàn bộ khu sau mở rộng, phương thức huy động nguồn vốn và kế hoạch, lộ trình đầu tư đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung, hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng (nếu có);

- Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và vận hành phần mở rộng và toàn bộ khu sau mở rộng;

- Bản đồ thể hiện các định hướng quy hoạch của khu vực mở rộng và phương án kết nối với khu công nghệ cao hiện hữu.

- Đánh giá về vấn đề bảo vệ môi trường, bao gồm: Tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu công nghệ cao hiện hữu; đánh giá tổng hợp và tích hợp các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường, xác định các thành phần môi trường, kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng và mức độ tác động của phần mở rộng và của toàn bộ khu công nghệ cao sau mở rộng; các giải pháp bảo vệ môi trường đối với phần mở rộng và toàn bộ khu công nghệ cao sau khi mở rộng; các nội dung khác (nếu có) theo quy định pháp luật về môi trường; đánh giá về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Báo cáo đánh giá tổng thể hoạt động khu công nghệ cao hiện hữu.

3. Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của cơ quan chủ quản khu công nghệ cao hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

4. Hồ sơ được lập thành 10 bộ (trong đó có ít nhất 02 bộ hồ sơ gốc), 01 bộ hồ sơ gốc trình Thủ tướng Chính phủ và 09 bộ hồ sơ nộp cho Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

#### **Điều 8. Thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

2. Nội dung thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết;

b) Sự phù hợp của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch sử dụng đất của địa phương; quy hoạch xây dựng vùng và đô thị; quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

c) Các mục tiêu, chỉ tiêu của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao và bố trí các nguồn lực;

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện tương ứng của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 6 Nghị định này;

đ) Các giải pháp thực hiện và tính khả thi của việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao.

### 3. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ Hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao theo quy định, Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định nêu tại Điều 7 Nghị định này, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung, sửa đổi hồ sơ.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để làm rõ những vấn đề liên quan.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ đã chỉnh lý, hoàn thiện sau thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

đ) Trường hợp mở rộng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Bộ Khoa học và Công nghệ chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này, gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng liên ngành để thẩm định, trong đó, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao quốc gia

2. Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, mở rộng các khu công nghệ cao khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

### Chương III

#### QUY HOẠCH XÂY DỰNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI KHU CÔNG NGHỆ CAO

##### **Điều 10. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao**

###### **1. Quy hoạch chung xây dựng**

a) Quy hoạch chung xây dựng được lập cho các khu công nghệ cao có quy mô diện tích trên 500 ha, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch đô thị, làm cơ sở lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng.

b) Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao tổ chức lập/điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

c) Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp quy hoạch điều chỉnh không làm thay đổi ranh giới, tính chất, chức năng sử dụng đất và định hướng phát triển chung của khu công nghệ cao.

###### **2. Quy hoạch phân khu xây dựng**

a) Quy hoạch phân khu xây dựng được lập cho các khu công nghệ cao có quy mô diện tích từ 500 ha trở xuống và cho các khu vực chức năng, phân khu chức năng trong khu công nghệ cao đã có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, làm cơ sở xác định các dự án đầu tư xây dựng và lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng được thực hiện như sau:

Đối với khu công nghệ cao đã có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

Đối với khu công nghệ cao không thuộc trường hợp phải lập quy hoạch chung xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng. Trong trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức điều chỉnh, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

###### **3. Quy hoạch chi tiết xây dựng, bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc**

a) Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghệ cao được lập theo từng dự án đầu tư xây dựng cụ thể. Các khu vực trong khu công nghệ cao khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng có quy mô diện tích từ 05 ha trở lên (từ 02 ha trở lên đối với dự án xây dựng nhà ở chung cư) được lập quy hoạch chi tiết xây dựng để cụ thể hóa quy

hoạch chung và quy hoạch phân khu xây dựng, làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng.

b) Các khu vực trong khu công nghệ cao khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng có quy mô diện tích dưới 05 ha (dưới 02 ha đối với dự án xây dựng nhà ở chung cư) được lập bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc, làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng.

c) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng, bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc của khu vực thực hiện dự án.

d) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện thẩm định, phê duyệt quy hoạch/phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng, chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc các khu vực thực hiện dự án quy định tại điểm a và điểm b Khoản này theo ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

4. Việc lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao được thực hiện như sau:

a) Đối với quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao có quy mô trên 500 ha và quy hoạch phân khu xây dựng của khu công nghệ cao có quy mô từ 500 ha trở xuống, Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt khu công nghệ cao và các Bộ, ngành có liên quan.

b) Đối với quy hoạch phân khu xây dựng của các khu vực chức năng hoặc phân khu chức năng trong khu công nghệ cao đã có quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt khu công nghệ cao.

c) Đối với quy hoạch chi tiết xây dựng và bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc của các dự án đầu tư trong khu công nghệ cao, không phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư.

d) Việc lấy ý kiến tại điểm a và điểm b khoản này được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ tài liệu hoặc tổ chức hội nghị. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản đóng góp ý kiến trong thời gian tối đa 20 ngày (đối với quy hoạch chung) và tối đa 10 ngày (đối với quy hoạch phân khu) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tài liệu hoặc ngày tổ chức hội nghị.

## 5. Kinh phí lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng

a) Kinh phí lập, điều chỉnh quy hoạch chung và quy hoạch phân khu xây dựng do ngân sách nhà nước bố trí. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao có thể huy động các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu công nghệ cao để tổ chức lập và điều chỉnh quy hoạch chung và quy hoạch phân khu xây dựng. Việc tiếp nhận kinh phí tài trợ để tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 14 Nghị định này và các quy định của pháp luật về đấu thầu và xây dựng có liên quan.

b) Kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng, bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc các khu vực thực hiện dự án đầu tư do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm bố trí.

#### 6. Tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ cao

a) Tùy theo quy mô diện tích, tính chất và mô hình hoạt động, khu công nghệ cao có thể tổ chức hoặc không tổ chức thành các phân khu chức năng.

b) Trường hợp khu công nghệ cao được tổ chức thành các phân khu chức năng

Các phân khu chức năng được bố trí tại vị trí, địa điểm phù hợp để đảm bảo tính chất liên kết theo chuỗi các hoạt động trong khu công nghệ cao. Vị trí, ranh giới, quy mô diện tích và mục tiêu hoạt động của các phân khu chức năng được xác định tại quy hoạch chung xây dựng (đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích từ 500 ha trở lên) và tại quy hoạch phân khu xây dựng (đối với khu công nghệ cao có quy mô diện tích dưới 500 ha).

Các phân khu chức năng chính của khu công nghệ bao gồm các khu vực có chức năng nghiên cứu và triển khai, ứng dụng công nghệ cao, phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao.

Ngoài các phân khu chính phục vụ trực tiếp hoạt động của khu công nghệ quy định tại khoản này, trong khu công nghệ cao có thể bố trí các phân khu chức năng hỗ trợ để phục vụ công tác quản lý điều hành, hoạt động thương mại, hạ tầng xã hội, cung cấp dịch vụ công nghệ cao và các dịch vụ cần thiết khác.

c) Trường hợp khu công nghệ cao không tổ chức thành các phân khu chức năng, việc xác định vị trí địa điểm và quỹ đất cho các hoạt động trong khu công nghệ cao cần đảm bảo tính liên kết, tránh gây ra các xung đột về môi trường và các tác động, ảnh hưởng tiêu cực giữa các hoạt động với nhau.

#### **Điều 11. Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư**

##### 1. Nguyên tắc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư

a) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao được thực hiện đồng bộ cho từng khu vực chức năng, phân khu chức năng trong khu công nghệ cao theo quy hoạch, cho từng giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao hoặc cho toàn bộ khu công nghệ cao. Hạn chế việc thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng riêng lẻ cho từng lô đất, khu đất quy hoạch.

b) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao được thực hiện theo các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao mà phải di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng, quy mô thu hồi đất lớn và cần phải thực hiện giải phóng mặt bằng trong một thời gian dài, Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất bị thu hồi xây dựng khung chính sách

riêng về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho khu công nghệ cao, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định để triển khai áp dụng, thực hiện.

c) Công tác tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao có thể thực hiện bằng hình thức giao đất ở hoặc nhà ở tại khu tái định cư. Khu tái định cư cần được hoàn thành để đảm bảo có đất ở và nhà ở tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất. Đối với các khu công nghệ cao có đủ điều kiện về quỹ đất để bố trí tái định cư tại chỗ, khuyến khích thực hiện chính sách tái định cư tại chỗ cho người có đất bị thu hồi.

## 2. Lập, thẩm định, phê duyệt nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) Căn cứ quy mô và phạm vi thu hồi đất khu công nghệ cao, nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao có thể tách thành dự án riêng, được lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện độc lập. Trường hợp không tách thành dự án riêng, nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định được lập, thẩm định và phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao.

b) Đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sử dụng vốn ngân sách Trung ương do các Bộ, ngành quản lý theo pháp luật về đầu tư công, các Bộ ngành có trách nhiệm lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt khu công nghệ cao trước khi quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt khu công nghệ cao hoặc Cơ quan quản lý khu công nghệ cao được giao làm chủ đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu công nghệ cao theo quyết định của Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng

a) Đối với khu công nghệ cao quốc gia, kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do ngân sách trung ương và ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí theo kế hoạch giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao, trong đó ngân sách trung ương bố trí tối thiểu 30% tổng kinh phí.

b) Đối với khu công nghệ cao khác, kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do ngân sách địa phương bố trí, vay từ Quỹ phát triển đất của địa phương, hoặc do chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao ứng trước trong trường hợp khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoàn toàn bằng nguồn vốn khác ngoài ngân sách.

c) Ngoài các nguồn kinh phí quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, kinh phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao (trừ khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoàn toàn bằng nguồn vốn khác ngoài ngân sách) còn được thực hiện bằng nguồn vốn ứng trước của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu công nghệ cao. Việc

ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và khấu trừ số tiền đã ứng được thực hiện như sau:

- Nhà đầu tư được thuê đất/giao đất trong khu công nghệ cao tự nguyện ứng trước tiền để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho lô đất theo quy hoạch mà mình dự kiến thuê/được giao. Số tiền đã ứng được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp hoặc tính vào vốn đầu tư dự án của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng thuộc khu công nghệ cao theo hình thức cho thuê hạ tầng (nếu có) tự nguyện ứng trước tiền để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng lô đất theo quy hoạch mà nhà đầu tư sử dụng đất trực tiếp trong khu chức năng đó dự kiến thuê của Nhà nước. Số tiền nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đã ứng được nhà đầu tư trực tiếp sử dụng đất hoàn trả lại sau khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Các tổ chức, cá nhân khác hoạt động trong khu công nghệ cao tự nguyện ứng trước tiền để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất xây dựng khu tái định cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật chung, khu công viên, cây xanh và các công trình công cộng sử dụng chung khác trong khu công nghệ cao. Số tiền các tổ chức, cá nhân đã ứng trước được Cơ quan quản lý khu công nghệ cao hoàn trả lại sau khi được ngân sách Nhà nước bố trí vốn cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

#### 4. Xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) Trường hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do ngân sách Nhà nước bố trí hoặc vay của Quỹ phát triển đất của địa phương, người sử dụng đất trong khu công nghệ cao có trách nhiệm hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

b) Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ và do Cơ quan quản lý khu công nghệ cao xác định, ban hành, thông báo cho người sử dụng đất.

c) Trường hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao ứng trước theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao được khấu trừ số tiền đã ứng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước theo quy định.

#### Điều 12. Chế độ quản lý, sử dụng đất đai

1. Trong quy hoạch sử dụng đất cấp Quốc gia theo quy định của pháp luật về đất đai phải xác định diện tích đất quy hoạch các khu công nghệ cao.

2. Đất sử dụng cho khu công nghệ cao là đất chuyên dùng, bao gồm các loại đất có chế độ sử dụng khác nhau phục vụ hoạt động nghiên cứu và và triển khai; ứng

dụng công nghệ cao; phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao và ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao và các hoạt động thương mại, dịch vụ và hạ tầng xã hội cần thiết khác.

3. Chế độ quản lý, sử dụng đất đai của khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất cho Cơ quan quản lý khu công nghệ cao để quản lý, sử dụng và xây dựng, phát triển khu công nghệ cao ngay sau khi quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thay mặt nhà nước quản lý, sử dụng đất khu công nghệ cao để xây dựng và phát triển khu công nghệ cao theo quy hoạch được duyệt và thực hiện giao lại đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện giao lại đất, cho thuê đất đối với nhà đầu tư sau khi hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bao gồm: giao lại đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 54 Luật Đất đai; giao lại đất có thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 55 Luật Đất đai; cho thuê đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 56 Luật Đất đai;

d) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện cho thuê đất đối với nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu chức năng trong khu công nghệ cao (nếu có) theo một trong hai hình thức: cho thuê đất đối với phần diện tích xây dựng hạ tầng kỹ thuật của khu chức năng để các nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng và cho thuê hạ tầng kỹ thuật; hoặc cho thuê đất đối với toàn bộ diện tích khu chức năng để nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cho thuê lại đất đã có hạ tầng.

4. Chế độ quản lý, sử dụng đất đai đối với khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn khác ngoài ngân sách được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần hoặc trả tiền thuê đất hàng năm ngay sau khi hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khu công nghệ cao.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao chỉ được cho các nhà đầu tư thuê lại đất sau khi đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật của toàn bộ khu công nghệ cao hoặc theo giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao theo quy hoạch được duyệt.

### **Điều 13. Đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

1. Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao

a) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao bao gồm hạ tầng kỹ thuật chung và hạ tầng kỹ thuật phân khu. Hạ tầng kỹ thuật chung được xác định tại quy hoạch chung xây dựng, hạ tầng kỹ thuật phân khu được xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng.

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao bao gồm các công trình: đường giao thông và các công trình theo đường, hệ thống tuynen và hào kỹ thuật, hệ thống thoát nước mặt, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, hệ thống viễn thông, công trình phòng cháy chữa cháy, công trình đảm bảo an toàn giao thông và an ninh trật tự, công trình xử lý và bảo vệ môi trường và các công trình đầu mối kỹ thuật.

c) Tùy thuộc vào tính chất, mục tiêu phát triển và nguồn lực đầu tư của từng khu công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao có thể bao gồm các công trình cung cấp năng lượng, nhiên liệu, các công trình hạ tầng kỹ thuật đặc thù khác và mặt bằng được san lấp theo quy hoạch.

d) Quy mô, công suất các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư và có khả năng nâng công suất, mở rộng quy mô theo yêu cầu phát triển của khu công nghệ cao theo từng giai đoạn, thời kỳ.

## 2. Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao (trừ khu công nghệ cao quy định tại khoản 4 Điều này).

a) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng đồng bộ cho toàn bộ khu công nghệ cao hoặc cho từng giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao theo quy hoạch được duyệt.

b) Hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ cao có quy mô diện tích trên 500 ha và một số hệ thống hạ tầng kỹ thuật phân khu có tính chất kết nối của khu công nghệ cao có quy mô từ 500 trở xuống (trừ hạ tầng cấp điện, cấp nước, viễn thông) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp ngân sách Nhà nước không thể bố trí vốn để đầu tư theo kế hoạch các hạng mục công trình này, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao báo cáo xin ý kiến chấp thuận của Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao về phương án sử dụng nguồn vốn từ hoạt động đầu tư kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

c) Tùy thuộc vào nguồn lực đầu tư của từng khu công nghệ cao, Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao quyết định việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật phân khu (trừ hạ tầng phân khu có tính chất kết nối quy định tại điểm b khoản này) bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc nguồn vốn từ hoạt động đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng.

d) Hạ tầng cấp điện, cấp nước, viễn thông được đầu tư bằng nguồn vốn của các doanh nghiệp chuyên ngành. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khó có khả năng thu hồi vốn, Thủ tướng Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trên cơ sở đề nghị của Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao.

đ) Trong đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao phải phân định rõ trách nhiệm đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Nhà nước (trung ương và địa phương), Cơ quan quản lý khu công nghệ cao, các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu chức năng trong khu công nghệ cao, các doanh nghiệp chuyên ngành và các cơ quan khác có liên quan.

3. Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao (trừ khu công nghệ cao quy định tại khoản 4 Điều này).

a) Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật chung và hạ tầng phân khu được đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước, Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao giao Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức quản lý và khai thác, vận hành và thu tiền sử dụng hạ tầng. Dịch vụ khai thác, vận hành các công trình hạ tầng quy định tại điểm này là dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí nhà nước và được thực hiện theo các quy định cụ thể tại khoản 5 điều này.

b) Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật chung được đầu tư bằng nguồn vốn của nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng (nếu có), Cơ quan quản lý khu công nghệ cao và nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng thống nhất về phương án quản lý, vận hành và thu tiền sử dụng hạ tầng, báo cáo Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao quyết định.

c) Đối với hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng được đầu tư bằng nguồn vốn của nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng (nếu có), nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm tự quản lý và vận hành. Tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật quy định tại khoản này là khoản thu nhằm thu hồi chi phí xây dựng và chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng và do nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng quyết định trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao. Nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng có thể bàn giao lại cho Cơ quan quản lý khu công nghệ cao một số công trình hạ tầng có tính chất kết nối để tổ chức quản lý, vận hành đồng bộ với các công trình hạ tầng khác của khu công nghệ cao.

d) Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật điện, nước, viễn thông do doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư, doanh nghiệp chuyên ngành chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và thu tiền sử dụng hạ tầng theo quy định.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt khu công nghệ cao tiếp nhận một số công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và có tính chất kết nối để quản lý, vận hành bằng nguồn kinh phí của địa phương, đảm bảo đồng bộ chung với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

4. Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn khác ngoài ngân sách

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao có trách nhiệm đầu tư xây dựng thống kê kỹ thuật khu công nghệ cao bằng nguồn vốn của doanh nghiệp.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao có trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao; phối hợp với doanh

nghiệp chuyên ngành để đầu tư xây dựng và vận hành các công trình kỹ thuật đầu mối của khu công nghệ cao.

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ xác định và ban hành mức thu tiền sử dụng hạ tầng để thu hồi chi phí đầu tư và chi phí quản lý, vận hành các công trình hạ tầng khu công nghệ cao.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt khu công nghệ cao có thể hỗ trợ Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao trong việc đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành một số công trình hạ tầng khu công nghệ cao có tính chất kết nối với hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

5. Dịch vụ khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các dịch vụ khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật là dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí nhà nước, được Nhà nước bù đắp, hỗ trợ chi phí trong giai đoạn khu công nghệ cao chưa lấp đầy và thu chưa đủ bù chi. Cụ thể bao gồm các dịch vụ sự nghiệp công sau:

- Dịch vụ vận hành, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình giao thông.
- Dịch vụ trồng, chăm sóc và quản lý cây xanh, tiểu cảnh trên vỉa hè, dải phân cách, vòng xoay, công viên.
- Dịch vụ vận hành, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống chiếu sáng tại các tuyến đường giao thông và khu vực công cộng.
- Dịch vụ vận hành, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống thoát nước mặt.
- Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý rác thải đường phố và tại khu vực công cộng.
- Dịch vụ thu gom, truyền dẫn nước thải và xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Dịch vụ khai thác, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật khác do Nhà nước đầu tư.

b) Việc lựa chọn đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công quy định tại điểm a khoản này được thực hiện như sau:

- Trong giai đoạn khi tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao dưới 70%, các dịch vụ sự nghiệp công nêu trên được thực hiện theo phương thức đặt hàng cho doanh nghiệp phát triển khu công nghệ cao (nếu có) hoặc cho đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng trực thuộc Cơ quan quản lý khu công nghệ cao. Khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trong giai đoạn này.
- Trong giai đoạn khi tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao đạt từ 70% trở lên, các dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện theo phương thức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

c) Tiền sử dụng hạ tầng quy định tại điểm này là khoản thu nhằm bù đắp chi phí quản lý, vận hành, duy tu, không bao gồm chi phí đầu tư xây dựng. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng.

d) Nhà đầu tư sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư phải trả tiền sử dụng hạ tầng cho Nhà nước. Tiền sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư được nộp vào tài khoản tại kho bạc Nhà nước của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao hoặc vào tài khoản tại ngân hàng thương mại của doanh nghiệp/đơn vị được đặt hàng hoặc trúng đấu thầu cung cấp dịch vụ công quy định tại điểm b Khoản này. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định phương thức thông báo, thu, nộp tiền sử dụng hạ tầng quy định tại điểm này.

e) Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm tổng hợp số thu tiền sử dụng hạ tầng và dự kiến số chi để báo cáo Bộ Tài chính phân bổ và bổ sung ngân sách thanh toán cho nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong năm tiếp theo.

#### **Điều 14. Quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội**

1. Hệ thống hạ tầng xã hội phục vụ hoạt động của khu công nghệ cao bao gồm: các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, nhà ở, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thương mại, quảng trường, công viên, cây xanh, mặt nước, công trình bảo tồn, tôn tạo giá trị văn hóa và các công trình dịch vụ xã hội khác.

2. Tùy thuộc vào vị trí, quy mô diện tích và tính chất hoạt động của từng khu công nghệ cao, có thể bố trí và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội trong phạm vi ranh giới quy hoạch khu công nghệ cao hoặc có thể sử dụng chung các hạ tầng xã hội tại các khu vực xung quanh của địa phương.

3. Khu công nghệ cao có thể sử dụng chung hạ tầng xã hội với các khu vực xung quanh của địa phương trong trường hợp hạ tầng xã hội hiện có của địa phương đáp ứng đủ nhu cầu của khu công nghệ cao, hoặc hạ tầng xã hội theo quy hoạch đô thị được duyệt của địa phương có vị trí và quy mô đáp ứng nhu cầu của khu công nghệ cao và đảm bảo được đầu tư xây dựng đồng thời cùng với quá trình đầu tư xây dựng khu công nghệ cao.

4. Trong trường hợp các công trình hạ tầng xã hội được bố trí và xây dựng trong phạm vi ranh giới khu công nghệ cao:

a) Diện tích đất dành cho các công trình hạ tầng xã hội tối thiểu không thấp hơn 20% diện tích khu công nghệ cao.

b) Quy mô dự kiến các công trình hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao được xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ cao.

c) Các công trình hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao được đầu tư bằng nguồn vốn từ hoạt động đầu tư kinh doanh theo pháp luật về đầu tư. Đối với các công trình hạ tầng xã hội khó có khả năng thu hồi vốn hoặc không có khả năng thu hồi vốn được đầu tư theo cơ chế sau:

- Các công trình hạ tầng xã hội khó có khả năng thu hồi vốn, bao gồm công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, cây xanh và khu vui chơi giải trí sử dụng vào mục đích công cộng (trừ khu vui chơi giải trí, công viên chuyên đề có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp trên 5%) được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa theo quy định tại khoản 5 Điều này hoặc bằng nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 6 Điều này.

- Các công trình hạ tầng xã hội không có khả năng thu hồi vốn, bao gồm công trình quảng trường, công trình bảo tồn, tôn tạo giá trị di sản văn hóa được đầu tư bằng nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Việc đầu tư các công trình hạ tầng xã hội bằng nguồn vốn xã hội hóa quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được thực hiện như sau:

a) Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao phê duyệt danh mục công trình, dự án kêu gọi đầu tư và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin công bố bao gồm: tên công trình, dự án, địa điểm, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc, tổng vốn đầu tư dự kiến, tiến độ thực hiện, mục đích đầu tư.

b) Nhà đầu tư được Cơ quan quản lý khu công nghệ cao cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cho thuê đất để thực hiện dự án.

c) Tổng diện tích đất được xây dựng công trình công cộng kết hợp kinh doanh không vượt quá 5% tổng diện tích khu đất theo quy hoạch. Nhà đầu tư thuê đất và xây dựng các công trình kiến trúc theo quy hoạch và thiết kế được phê duyệt, không được xây dựng công trình nhà ở, văn phòng, nhà cho thuê hoặc bất kỳ loại hình kinh doanh bất động sản khác. Nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định, được tự chủ kinh doanh và khai thác các công trình sau khi đầu tư xây dựng.

d) Tổng diện tích đất công cộng không có mục đích kinh doanh đảm bảo tối thiểu 95% tổng diện tích khu đất theo quy hoạch. Nhà đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch và thiết kế được phê duyệt. Nhà đầu tư không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất quy định tại khoản này.

đ) Sau khi hoàn thành xây dựng, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao và nhà đầu tư tổ chức nghiệm thu, giao nhà đầu tư quản lý, duy tu, vận hành theo đúng các quy định của pháp luật bằng kinh phí của nhà đầu tư. Trong thời gian hoạt động của dự án, nhà đầu tư không được có bất kỳ hành vi nào cản trở các mục đích phục vụ hạ tầng chung của khu công nghệ cao. Trường hợp nhà đầu tư thực hiện đầu tư, khai thác, vận hành, duy tu không đúng quy định, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư.

e) Đối với diện tích sử dụng công cộng không có mục đích kinh doanh quy định tại điểm d Khoản này, việc thu phí sử dụng và mức thu các loại phí được thực hiện theo quyết định của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

g) Nhà đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư theo quy định tại khoản 7 Điều này.

6. Việc đầu tư các công trình hạ tầng xã hội bằng hình thức huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao công bố danh mục các công trình hạ tầng xã hội kêu gọi, huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện. Thông tin công bố bao gồm: tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc, tổng vốn đầu tư, kinh phí dự kiến huy động, các nguyên vật liệu, hiện vật (nếu có), các nguồn vốn đầu tư dự kiến, tiến độ thực hiện.

b) Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện thông qua các hình thức sau: bằng tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ hoặc các loại giấy tờ có giá trị quy đổi ra tiền Việt Nam đồng; bằng các loại tài sản, hiện vật có giá trị về kinh tế, giá trị văn hóa, lịch sử hoặc phù hợp với nhu cầu sử dụng của công trình; các hình thức đóng góp tự nguyện khác.

c) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tiếp nhận đóng góp và phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện để tiếp nhận tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ. Trường hợp, hình thức đóng góp là tài sản, hiện vật, công lao động phải được thống kê, ghi nhận về số lượng, quy cách, chất lượng. Các khoản thu, chi phải được phản ánh vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán thống kê.

d) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tiếp nhận bàn giao, khai thác sử dụng công trình đã được đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện không vì lợi nhuận, lợi ích cá nhân hoặc có đòi hỏi nào khác về quyền lợi trái với quy định của pháp luật hiện hành.

7. Cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức xã hội hóa

a) Ưu đãi về đất đai

- Nhà đầu tư được Cơ quan quản lý khu công nghệ cao cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình. Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê, không được tính giá trị đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng làm tài sản thế chấp để vay vốn.

- Trường hợp nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê và nhận hưởng ưu đãi miễn giảm, nếu nhà đầu tư nếu ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được ngân sách Nhà nước hoàn trả số kinh phí đã ứng trước đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

- Trường hợp nhà đầu tư có nguyện vọng không hưởng ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất thì nhà đầu tư thực hiện trả tiền thuê đất một lần cho Nhà nước và được trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã ứng trước (nếu có) vào tiền thuê đất phải nộp. Trong trường hợp này, nhà đầu tư được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Nhà đầu tư được hỗ trợ 100% lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất, các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất.

c) Nhà đầu tư được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

#### **Chương IV**

#### **HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO**

##### **Điều 15. Các hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao**

1. Các hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao bao gồm: nghiên cứu và triển khai, chuyển giao, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao; thương mại hóa các sản phẩm công nghệ cao; đổi mới sáng tạo; cung ứng dịch vụ công nghệ cao và các dịch vụ cần thiết khác.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải lập dự án đầu tư và đảm bảo các nguyên tắc và tiêu chí sau:

a) Mục tiêu hoạt động của dự án phù hợp với mục tiêu của khu công nghệ cao quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Tổng mức đầu tư cao hoặc suất vốn đầu tư (chi phí đầu tư dự án tính trên một đơn vị diện tích đất) cao;

c) Hoạt động sản xuất kinh doanh tạo giá trị gia tăng cao;

d) Mức độ ô nhiễm hoặc ảnh hưởng xấu đến môi trường thấp;

đ) Phù hợp với khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao;

e) Nhà đầu tư đề xuất dự án có khả năng tài chính hoặc huy động nguồn lực hợp pháp khác để đáp ứng yêu cầu về nguồn vốn đầu tư xây dựng, duy trì, vận hành dự án; có năng lực quản lý, đảm bảo việc xây dựng, triển khai dự án theo đúng tiến độ, kế hoạch;

g) Ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e Khoản này, một số loại hình dự án phải đáp ứng các tiêu chí tương ứng đối với từng loại hình quy định tại các Điều 16, 19 Nghị định này.

3. Nội dung giải trình về việc đảm bảo các nguyên tắc và tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này là một nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của nhà đầu tư. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao chủ trì tổ chức đánh giá việc đáp ứng nguyên tắc và tiêu chí dự án đầu tư vào khu công nghệ cao trong quá trình thẩm định cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

4. Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghệ cao được Cơ quan quản lý khu công nghệ cao xem xét, cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cam kết thực hiện đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ dự án đã được quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này tương ứng với từng loại hình dự án trong suốt thời gian hoạt động.

#### **Điều 16. Nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao**

1. Hoạt động nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao trong khu công nghệ cao bao gồm: nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ cao nhập khẩu, công nghệ được chuyển giao; giải mã công nghệ cao; khai thác sáng chế, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm tạo ra công nghệ cao mới; nghiên cứu hoàn thiện, phát triển công nghệ cao ứng dụng trong sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao và cung ứng các dịch vụ công nghệ cao; hoạt động đào tạo nhân lực gắn với các hoạt động nêu trên.

2. Chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao

a) Ưu tiên nguồn lực từ các chương trình quốc gia về phát triển công nghệ và các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ các dự án nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao.

b) Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm có quy mô lớn, nghiên cứu, phân tích, kiểm thử, kiểm chuẩn trong khu công nghệ cao.

c) Cung cấp dịch vụ công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, hỗ trợ điều kiện hạ tầng nghiên cứu và triển khai từ các cơ sở do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Ưu tiên, không thu phí dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở nghiên cứu của Nhà nước để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới.

d) Giới thiệu, mời tham gia các hoạt động của các tổ chức trung gian nhằm hỗ trợ thương mại hóa công nghệ, kết nối cung - cầu, tìm kiếm đối tác; ưu tiên quảng bá sản phẩm công nghệ của dự án trên các phương tiện thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ, sàn giao dịch công nghệ quốc gia và địa phương.

đ) Chính sách ưu đãi khác theo quy định tại các Điều 26, 27, 28 Nghị định này.

3. Ngoài các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 15 Nghị định này, dự án nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao tại khu công nghệ cao còn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Có mục tiêu, kế hoạch, lộ trình nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ trong giai đoạn ngắn hạn và lâu dài; có kế hoạch chuyển giao, thương mại hóa, ứng dụng công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ cao và dịch vụ công nghệ cao.

- Công nghệ, sản phẩm của dự án nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao phù hợp với Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; trong trường hợp công nghệ của dự án là công nghệ mới, công nghệ tiên tiến không nằm trong các danh mục nêu trên, cơ quan quản lý khu công nghệ cao xin ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ về việc chấp thuận nghiên cứu, phát triển công nghệ của dự án.

- Tạo ra công nghệ cao, thay thế công nghệ cao nhập khẩu, ứng dụng trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo ra sản phẩm mẫu (prototype), các sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế, thay thế sản phẩm nhập khẩu.

- Hình thành doanh nghiệp công nghệ cao, các cơ sở nghiên cứu công nghệ cao; hình thành các dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ công ích trong lĩnh vực công nghệ cao đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn quản lý chất lượng và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng điều kiện về nhân lực thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển và tỷ lệ chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Điều 17. Đào tạo nhân lực công nghệ cao**

1. Hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao bao gồm: đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ, cung ứng nguồn nhân lực công nhân, kỹ thuật viên có trình độ tay nghề cao; xây dựng tập thể nghiên cứu khoa học mạnh, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu công nghệ cao hiện đại; kết hợp với các trường đại học, cơ sở nghiên cứu đào tạo các trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ thuộc một số chuyên ngành công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển.

#### **2. Chính sách thúc đẩy hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao**

- Các ưu đãi về sử dụng đất và các loại thuế được quy định tại các Điều 27, 28 Nghị định này.

- Ưu tiên hỗ trợ một phần chi phí phục vụ đào tạo nhân lực công nghệ cao cho việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình quốc gia phát triển Công nghệ cao; tài trợ, hỗ trợ ưu đãi từ đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ bằng ngân sách nhà nước và các quỹ, tổ chức tài chính khác cho hoạt động phát triển nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ.

- Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo đối với trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong khu công nghệ cao thực hiện đào tạo nhân lực trong một số chuyên

ngành Công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Ưu tiên, khuyến khích sinh viên, học viên tại các trường đại học, cơ sở nghiên cứu thực tập, thực hành tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại khu công nghệ cao.

- Ưu tiên, không thu phí dịch vụ đối với hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao tại các khu công nghệ cao khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở nghiên cứu của Nhà nước để thực hiện các hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao.

- Khuyến khích, hỗ trợ hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trong việc sử dụng đội ngũ nhân lực chất lượng cao.

3. Ngoài các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 15 Nghị định này, dự án đào tạo nhân lực công nghệ cao còn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Đào tạo đội ngũ nghiên cứu, cán bộ quản lý, kỹ thuật viên sản xuất sản phẩm công nghệ cao; thu hút các chuyên gia tình nguyện nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động công nghệ cao tại cơ sở công nghệ cao.

- Có lộ trình và kế hoạch phát triển nhân lực công nghệ cao cụ thể; tuân thủ các quy định hiện hành về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam.

- Dự án hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; phát triển cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao đạt trình độ quốc tế.

### **Điều 18. Ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao**

1. Ươm tạo công nghệ cao là hoạt động hỗ trợ các tổ chức tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ cao từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học.

Ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao là hoạt động hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, kết quả nghiên cứu công nghệ cao thực hiện việc hoàn thiện công nghệ, chế thử sản phẩm, thành lập doanh nghiệp công nghệ cao và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao.

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao là đơn vị cung cấp các dịch vụ khoa học và công nghệ thiết yếu với trình độ tiên tiến, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, nguồn cần thiết phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Chính sách thúc đẩy hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

- Các ưu đãi về sử dụng đất và các loại thuế được quy định tại các Điều 27, 28 Nghị định này.

- Hỗ trợ mức kinh phí tối đa cho hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ được ươm tạo hoàn thiện, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kinh phí của các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ, từ đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, các nguồn kinh phí khác từ ngân sách nhà nước và các quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Ưu tiên, không thu phí, hỗ trợ dịch vụ khi sử dụng máy móc, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp nghệ cao.

- Hỗ trợ tiếp cận thị trường, hướng dẫn quản lý, cung cấp thông tin đầu tư, và kết nối các địa chỉ, tổ chức tài chính đầu tư phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao; Ưu tiên xét chọn, hỗ trợ tối đa các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường theo quy định của Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

- Giới thiệu, tạo điều kiện liên kết mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

#### **Điều 19. Sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung cấp dịch vụ công nghệ cao**

1. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 15 Nghị định này còn phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Sản phẩm của dự án phù hợp với Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Ứng dụng công nghệ cao thuộc lĩnh vực công nghệ ưu tiên thu hút đầu tư theo quy định của Luật Công nghệ cao và Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc một số công nghệ đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quy định;

c) Không thâm dụng lao động;

d) Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

đ) Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành;

e) Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương;

g) Đáp ứng tiêu chí về nhân lực thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển, tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển, dây chuyền công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Dịch vụ công nghệ cao là một loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ trong đó dịch vụ được cung ứng phải phù hợp với Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Trong quá trình thẩm định cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao căn cứ mục tiêu, quy mô và nội dung cụ thể của từng dự án quyết

định thời hạn hoạt động của dự án nhưng không vượt quá thời gian hoạt động quy định tại Luật Đầu tư.

#### **Điều 20. Chế xuất các sản phẩm công nghệ cao**

1. Doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao là doanh nghiệp thực hiện dự án chuyên sản xuất sản phẩm công nghệ cao để xuất khẩu, được quy định trong Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc trong văn bản của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao trong trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và áp dụng chế độ tương tự chế độ đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

3. Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm giải trình khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan tại hồ sơ dự án theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Cơ quan hải quan có ý kiến về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan của doanh nghiệp tại hồ sơ dự án theo đề nghị của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao đã hoàn thành xây dựng và đưa dự án vào hoạt động mà thực tế không đáp ứng được các điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại khoản này thì không được áp dụng chế độ đối với doanh nghiệp chế xuất quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 21. Thương mại hóa các sản phẩm công nghệ cao**

1. Các hoạt động thương mại công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao trong khu công nghệ cao bao gồm: Triển lãm, quảng cáo công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao; mua, bán sản phẩm công nghệ cao; chuyển giao công nghệ cao; các dịch vụ tư vấn chuyển giao, thương mại hóa công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao.

2. Chính sách phát triển hoạt động thương mại hóa công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao

- Nhà nước khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài tăng cường thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao trong các khu công nghệ cao; được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trong khu công nghệ và các nguồn huy động hợp pháp khác để thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ; được ưu tiên tham gia các dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ của Nhà nước.

- Cung ứng dịch vụ môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ tư vấn kỹ thuật, đầu tư, pháp lý, tài chính, bảo hiểm, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các dịch vụ khác nhằm thúc đẩy hoạt động công nghệ cao, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm công nghệ cao.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin về công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng, trao đổi thông tin về công nghệ cao; tổ chức, tham gia chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ cao quy mô quốc gia, quốc tế.

- Ưu đãi mức cao nhất theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ cao phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao.

## **Điều 22. Hoạt động đổi mới sáng tạo**

1. Các hoạt động đổi mới sáng tạo bao gồm: Hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức và triển khai các hoạt động thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trong khu công nghệ cao. Kết nối hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo giữa các khu công nghệ cao trong và ngoài nước; hình thành hệ sinh thái, tham gia mạng lưới thị trường, khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo quốc gia và quốc tế giữa các cơ quan quản lý, tổ chức nghiên cứu - triển khai, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, các tổ chức tài chính thông qua các hoạt động hợp tác, kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, liên kết và chia sẻ kinh nghiệm.

### **2. Chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo**

- Nhà nước hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao góp phần tạo ra sản phẩm mới, quy trình mới, phương pháp tiếp thị mới, phương thức tổ chức mới, được áp dụng để mang lại lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội.

- Khuyến khích sử dụng các nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo thông qua các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà đầu tư và các nguồn tài chính khác.

- Trung tâm Đổi mới sáng tạo khu công nghệ cao có các quyền:

+ Được giao cơ sở hạ tầng của nhà nước phục vụ cho hoạt động ươm tạo công nghệ cao và ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao;

+ Được sử dụng cơ sở hạ tầng được nhà nước giao để hợp tác, phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để hỗ trợ cho các dự án ươm tạo tại khu công nghệ cao;

+ Trung tâm Đổi mới sáng tạo khu công nghệ cao được phép thành lập Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp ươm tạo;

+ Được quyền tham gia cổ phần trong các doanh nghiệp ươm tạo;

+ Được nhà nước định kỳ bổ sung máy móc, trang thiết bị phòng thí nghiệm, kiểm thử để nâng cao năng lực hỗ trợ dự án khởi nghiệp;

+ Được quyền cho phép các doanh nghiệp ươm tạo sử dụng địa chỉ của Trung tâm Đổi mới sáng tạo khu công nghệ cao trong thời gian ươm tạo.

## **Điều 23. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ**

1. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao nghiên cứu, đề xuất chính sách, giải pháp; thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản phẩm của một số ngành trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của khu công nghệ cao.

2. Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao đánh giá, phê duyệt các đề án phục vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của khu công nghệ cao. Kinh phí thực hiện được ưu tiên bố trí một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm và từ các nguồn hợp pháp khác.

#### **Điều 24. Cung ứng các dịch vụ cần thiết khác**

1. Dịch vụ cần thiết khác trong khu công nghệ cao là dịch vụ không thể thiếu cho sản xuất, đời sống, bao gồm: cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu chính phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người như ăn, mặc, ở, học tập, khám chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thường ngày khác.

2. Căn cứ vào quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, quy hoạch khu công nghệ cao trong từng thời kỳ, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao xem xét, đánh giá để cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án, đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao quy định tại Điều 3 Nghị định này.

#### **Điều 25. Quản lý các hoạt động đầu tư thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư và Cơ quan quản lý khu công nghệ cao ký “Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án”. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký “Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án”, nhà đầu tư nộp tiền ký quỹ vào tài khoản ký quỹ của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao mở tại ngân hàng thương mại.

2. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động sau khi Cơ quan quản lý khu công nghệ cao kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành của dự án/giai đoạn của dự án. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu bao gồm kiểm tra về việc xây dựng công trình theo thiết kế được phê duyệt, số vốn đầu tư thực tế so với số vốn đăng ký, việc lắp đặt dây chuyền, thiết bị công nghệ của dự án, việc đáp ứng các nguyên tắc chung và tiêu chí đối với từng loại hình dự án đã đăng ký tại hồ sơ dự án và được Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao định kỳ hoặc đột xuất rà soát, đánh giá việc thực hiện các cam kết quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này. Việc xử lý đối với các dự án không thực hiện đúng cam kết được quy định như sau:

a) Trường hợp dự án không thực hiện theo đúng các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư về một hoặc các nội dung liên quan đến mục tiêu, quy mô và tiến độ và việc đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển

cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Riêng dự án không đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm g khoản 2 Điều này không được hưởng ưu đãi về đầu tư trong thời gian không đáp ứng tiêu chí. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thông báo cho cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền về việc dự án không đáp ứng tiêu chí để cơ quan thuế xử lý các vấn đề liên quan đến ưu đãi đầu tư cho dự án theo quy định.

b) Trường hợp dự án đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm các nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

c) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định ngừng toàn bộ hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án theo quy định tại điểm b khoản này, nếu nhà đầu tư không khắc phục được điều kiện ngừng hoạt động, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định chấm dứt một phần hoạt động của dự án hoặc chấm dứt hoạt động của dự án đồng thời thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư có trách nhiệm tự thanh lý dự án theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động.

d) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ diện tích đất đã giao/cho thuê đối với dự án bị chấm dứt hoạt động một phần hoặc chấm dứt toàn bộ theo quy định tại điểm c Khoản này. Nhà đầu tư không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp bị thu hồi đất theo quy định tại khoản này và có trách nhiệm di dời toàn công trình, tài sản trên đất và bàn giao lại mặt bằng sạch cho Cơ quan quản lý khu công nghệ cao trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

Đối với trường hợp thuê lại đất của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, nhà đầu tư có trách nhiệm thanh lý hợp đồng thuê lại đất và di dời toàn công trình, tài sản trên đất để bàn giao lại mặt bằng sạch cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thanh lý hợp đồng.

## Chương V ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

### **Điều 26. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho dự án, doanh nghiệp khu công nghệ cao**

1. Khu công nghệ cao là địa bàn ưu đãi đầu tư và thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Ưu đãi về đất đai, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu - thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 26, 27 Nghị định này thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế. Trường hợp các quy định này được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định mới.

3. Nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và các vấn đề liên quan khác trong triển khai thực hiện dự án.

4. Doanh nghiệp khu công nghệ cao có đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 27. Ưu đãi về đất đai**

1. Dự án đầu tư sử dụng đất trong khu công nghệ cao được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

- a) Đất xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh, đất có mặt nước, công viên sử dụng công cộng theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu được phê duyệt.
- b) Đất xây dựng công trình sự nghiệp của các tổ chức sự nghiệp công lập.
- c) Đất xây dựng cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;
- d) Đất thực hiện dự án nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao).

2. Mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

- a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).
  - 15 năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.
  - 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê đất sản xuất kinh doanh tạm ngừng dự án đầu tư do bất khả kháng thì được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động.

4. Các dự án đã được bàn giao đất và sử dụng đất tại khu công nghệ cao trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng chưa được xác định chính sách ưu đãi về đất dai thì được hưởng các ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều này tính từ ngày nhận bàn giao đất trên thực địa và không phải hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Nhà nước nếu thuộc đối tượng được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất miễn toàn bộ tiền thuê đất.

### **Điều 28. Ưu đãi về thuế**

#### **1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế trong 04 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi chủ sở hữu và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên và giải ngân 3.000 tỷ trong thời hạn 05 năm được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 30 kể tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu, miễn thuế trong 04 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế;

c) Áp dụng thuế suất 10% đối với phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường khi đáp ứng các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật về xã hội hóa.

d) Áp dụng thuế suất 10% đối với phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 Luật Nhà ở;

e) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án thuộc khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư được áp dụng thuế suất giảm không quá 50% so với thuế suất ưu đãi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, được kéo dài thêm không quá 15 năm và không vượt quá thời hạn của dự án đầu tư.; miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế;

g) Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án đầu tư tại khu công nghệ cao, không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia

dự án đầu tư, chuyển nhượng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam, kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế thu nhập đặc biệt.

e) Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; hồ sơ, thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## 2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

a) Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào khu công nghệ cao, bao gồm:

- Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

- Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

- Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

b) Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Căn cứ để xác định nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

c) Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ trong khu công nghệ cao.

d) Các trường hợp miễn thuế nhập khẩu khác theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

đ) Thủ tục, hồ sơ miễn thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## 3. Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân

a) Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao.

b) Nhân lực công nghệ cao quy định tại điểm a Khoản này là người có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao; vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm công nghệ cao; thực hiện các dịch vụ công nghệ cao và quản lý hoạt động công nghệ cao.

c) Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tiêu chí xác định các nhân là nhân lực công nghệ cao theo quy định tại điểm b Khoản này.

#### 4. Ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

a) Dự án đầu tư có sử dụng đất được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong toàn bộ thời gian sử dụng đất.

b) Không áp dụng ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại khoản 1 Điều này đối với dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ sản xuất ôtô.

c) Hồ sơ thực hiện miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 29. Xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, tạm trú trong khu công nghệ cao**

1. Nhà đầu tư, chuyên gia và người lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và thành viên gia đình (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được xem xét cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần và thời hạn phù hợp với thời gian làm việc trực tiếp tại khu công nghệ cao.

2. Thủ trưởng Cơ quan quản lý khu công nghệ cao xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao.

3. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao theo ủy quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Thủ trưởng Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quyết định chấp thuận kế hoạch sử dụng người lao động nước ngoài của các doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghệ cao, quyết định cho phép nhà thầu tại khu công nghệ cao được tuyển dụng người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Nhà đầu tư, chuyên gia và người lao động làm việc trong khu công nghệ cao được sinh sống tại khu vực quy hoạch để xây dựng nhà ở. Cơ quan Quản lý khu công nghệ cao ban hành quy chế quản lý và sử dụng nhà ở cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao.

6. Trường hợp cần thiết, người nước ngoài (gồm nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia) được phép tạm trú tại khu vực thực hiện dự án khi có sự chấp

thuận của cơ quan quản lý khu công nghệ cao. Việc tạm trú của người nước ngoài phải đáp ứng điều kiện sau:

- a) Để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án;
- b) Không kèm theo gia đình và người thân;
- c) Phải tuân thủ thủ tục đăng ký và khai báo tạm trú theo quy định hiện hành về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Nơi ở của nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia nước ngoài phải bố trí riêng biệt với khu sản xuất, văn phòng; đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật về xây dựng đối với nhà ở; Nhà đầu tư có trách nhiệm đăng ký tạm trú cho người nước ngoài; cam kết đảm bảo an ninh, trật tự và không ảnh hưởng đến hoạt động của khu công nghệ cao.

#### **Điều 30. Phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao**

1. Quy hoạch xây dựng khu nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao

a) Khi quy hoạch, thành lập khu công nghệ cao phải đồng thời lập quy hoạch khu nhà ở nằm ngoài ranh giới khu công nghệ cao để phục vụ đời sống chuyên gia và người lao động làm việc tại khu công nghệ cao. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu nhà ở tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

b) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm xác định tỷ lệ diện tích đất dành cho nhà ở cao tầng, nhà ở thấp tầng, công trình tiện ích và dịch vụ cần thiết của khu nhà ở, tỷ lệ quỹ đất, quỹ nhà dự kiến bán, cho thuê, thuê mua, đảm bảo phù hợp đặc điểm, quy mô số lượng người lao động và chuyên gia làm việc tại khu công nghệ cao.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí khu đất có quy mô và vị trí phù hợp để xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm a khoản này, thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh nhà ở.

c) Đối với khu công nghệ cao đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất cho Cơ quan quản lý khu công nghệ cao trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 và tại quy hoạch chung xây dựng đã phê duyệt có khu nhà ở nằm trong ranh giới khu công nghệ cao

Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tiếp tục xây dựng và phát triển khu nhà ở nằm trong ranh giới khu công nghệ cao theo quy hoạch chung xây dựng được duyệt; thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp xây dựng và kinh doanh nhà ở.

Cơ quan quản lý khu công nghệ thực hiện các trách nhiệm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây

dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà ở theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

## 2. Đối tượng thuê, thuê mua và mua nhà ở

a) Tổ chức là nhà đầu tư và cá nhân là chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao được thuê nhà ở trong thời gian hoạt động, làm việc tại khu công nghệ cao.

b) Người lao động làm việc trong Cơ quan quản lý khu công nghệ cao, chuyên gia và người lao động có hợp đồng lao động dài hạn với các nhà đầu tư tại khu công nghệ cao được ưu tiên xét mua nhà ở. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao ban hành tiêu chí xét ưu tiên mua nhà ở đối với các đối tượng quy định tại điểm này.

c) Tổ chức, cá nhân tại điểm a và điểm b khoản này đã mua, thuê, thuê mua nhà ở nhưng không còn hoạt động, làm việc tại khu công nghệ cao thì phải thanh lý hợp đồng mua, thuê, thuê mua đã ký kết và có trách nhiệm bàn giao lại nhà cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở hoặc đơn vị quản lý, vận hành nhà ở được ủy quyền trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày kết thúc hoạt động, làm việc tại khu công nghệ cao.

## 3. Chính sách đối với doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở

a) Doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở cho thuê được hưởng ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với dự án xây dựng nhà ở xã hội; được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê và không phải hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Nhà nước. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở ứng trước kinh phí để bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được ngân sách Nhà nước bố trí hoàn trả lại.

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở để bán không được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Đối với dự án nhà ở trong khu công nghệ cao quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong khu kinh tế, khu công nghệ cao.

c) Doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở để bán và kết hợp cho thuê được hưởng các ưu đãi quy định tại điểm a khoản này đối với phần nhà ở cho thuê, được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b khoản này đối với phần nhà ở để bán.

Tỷ lệ nhà ở được bán và cho thuê của từng dự án được đề xuất trong dự án đầu tư và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

d) Doanh nghiệp thực hiện dự án nhà ở được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam khi thực hiện các dự án theo các chương trình hỗ trợ của Chính phủ;

đ) Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ bổ sung khác để phát triển nhà ở cho người lao

động làm việc tại khu công nghệ cao phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của khu công nghệ cao.

## Chương VI

### QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ CAO

#### **Điều 31. Nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển khu công nghệ cao.
2. Ban hành, hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập, đầu tư, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của khu công nghệ cao.
3. Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của khu công nghệ cao trong các lĩnh vực: quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, đất đai, môi trường, hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư, đầu tư, khoa học và công nghệ, lao động, thương mại-xuất nhập khẩu, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao.
5. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hoạt động, kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển khu công nghệ cao.

#### **Điều 32. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao trong phạm vi nhà nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý khu công nghệ cao theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghệ cao.
2. Thủ tướng Chính phủ
  - a) Chỉ đạo các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện pháp luật, chính sách về khu công nghệ cao;
  - b) Quyết định thành lập, mở rộng đối với khu công nghệ cao quốc gia; chấp thuận chủ trương thành lập, mở rộng đối với khu công nghệ cao khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;
  - c) Chỉ đạo xử lý và giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình quy hoạch, đầu tư, thành lập, điều hành, quản lý hoạt động của khu công nghệ cao vượt

thẩm quyền của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

### 3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao;

b) Có ý kiến đối với nội dung liên quan đến phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh làm cơ sở để cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản pháp luật, chính sách về phát triển khu công nghệ cao trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và ban hành các văn bản pháp luật theo phạm vi thẩm quyền;

d) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao;

e) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch quốc gia về xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ cao;

g) Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về khu công nghệ cao; ban hành mẫu biểu báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin về khu công nghệ cao;

h) Thực hiện đánh giá theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao có sử dụng công nghệ cao;

i) Phân cấp, hướng dẫn cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong khu công nghệ cao;

k) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

Thực hiện đánh giá hoạt động của các khu công nghệ cao định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### 4. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của mình tại khu công nghệ cao theo quy định của Nghị định này và của pháp luật có liên quan;

b) Đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước không phân cấp, ủy quyền theo quy định tại điểm a Khoản này, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, và xây dựng cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định địa bàn để giao chính quyền cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ quản lý dân sự, an ninh trật tự.

### 5. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao

Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao được quy định cụ thể tại Điều 32 Nghị định này.

#### **Điều 33. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao**

##### 1. Chức năng, địa vị pháp lý

a) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao có cơ cấu, tổ chức và biên chế trực thuộc cơ quan chủ quản khu công nghệ cao, giúp cơ quan chủ quản khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của khu công nghệ cao.

Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập cơ quan quản lý khu công nghệ cao, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế hoạt động của cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

b) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao quốc gia là tổ chức tương đương Tổng cục, có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng; là đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước.

Cơ quan quản lý khu công nghệ cao khác có tư cách pháp nhân; được mở tài khoản tại ngân hàng; kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm và nguồn kinh phí khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

##### 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Đề xuất và trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách cho khu công nghệ cao, bao gồm: cơ chế xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trong từng thời kỳ; cơ chế huy động nguồn lực để xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhà đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao; cơ chế thu hút, chính sách ưu đãi đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại khu công nghệ cao;

b) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các kế hoạch xây dựng và phát triển khu công nghệ cao, bao gồm: kế hoạch tổng thể xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trung hạn (05 năm) và dài hạn; kế hoạch thu hút, xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ cao 05 năm và hàng năm; kế hoạch đầu tư công trung hạn (05 năm) và hàng năm của khu công nghệ cao; kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao;

c) Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu công nghệ cao bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác

- Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức và các nguồn vốn hợp pháp khác được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

- Quyết định đầu tư và thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc nhóm B, C theo ủy quyền của Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư ký kết thỏa thuận đầu tư và ký kết hợp đồng dự án với các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc nhóm B, C theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo ủy quyền của Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao và quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn vay ODA và các nguồn vốn tài trợ khác để đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao;

#### d) Quản lý quy hoạch và xây dựng

- Tổ chức thực hiện quy hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức lập quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng; thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng, cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng theo ủy quyền; tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xây dựng theo ủy quyền;

- Thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong việc thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công các dự án đầu tư xây dựng của các nhà đầu tư tại khu công nghệ cao theo ủy quyền;

- Thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo ủy quyền.

#### d) Quản lý đất đai

- Quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất, thu hồi đất đã giao lại hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật;

- Quyết định giá đất cụ thể, hệ số điều chỉnh giá đất và tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất hằng năm sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chấp thuận đơn giá cho thuê lại đất theo đề xuất của chủ đầu tư hạ tầng; xác định và thông báo các nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; xác định mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả đối với người sử dụng đất;

- Thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện cho thuê đất; quyết định miễn, giảm tiền thuê đất và xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm đối với từng dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng thuê đất với người thuê đất trong khu công nghệ cao;

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Thực hiện các thẩm quyền trong công tác tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, bao gồm: phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự

án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Sở kế hoạch và đầu tư và các cơ quan khác có liên quan;

- Tổ chức đấu giá quyền sử dụng để cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Thực hiện các thẩm quyền trong công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, bao gồm: phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thẩm định hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất, quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, xác định và phê duyệt giá khởi điểm đấu giá; lựa chọn nhà thầu thực hiện cuộc bán đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài nguyên và môi trường, tổ chức phát triển quỹ đất và cơ quan chức năng khác có liên quan.

#### e) Quản lý môi trường

- Thực hiện các trách nhiệm của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao trong công tác quản lý môi trường khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Phối hợp với các cơ quan có chức năng trong việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, giải quyết các tranh chấp về môi trường liên quan đến các hoạt động trong khu công nghệ cao.

#### g) Quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Ban hành mức thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư và tiền xử lý nước thải; chấp thuận mức thu tiền sử dụng hạ tầng, tiền thu hồi chi phí san lấp mặt bằng của nhà đầu tư hạ tầng các khu chức năng (nếu có);

- Tổ chức quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao do Nhà nước đầu tư;

- Chỉ đạo đơn vị được giao khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, nhà đầu tư hạ tầng các khu chức năng (nếu có) và phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng (cấp điện, cấp nước, viễn thông) trong việc khai thác, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao.

#### h) Quản lý hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư

- Xây dựng và trình Cơ quan chủ quản khu công nghệ cao công bố Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào khu công nghệ cao trong từng thời kỳ;

- Xây dựng và duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, các khu công nghệ cao, các Hiệp hội, các khu khoa học nước ngoài; xây dựng kế hoạch hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan để thúc đẩy phát triển và quản lý, khai thác khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Huy động các nguồn lực xã hội từ tài trợ của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư để thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư; được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch quốc gia về xúc tiến đầu tư vào khu công nghệ cao trong từng thời kỳ;

#### i) Quản lý đầu tư

Thực hiện thẩm quyền của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

- Cấp, điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh, đổi, hiệu đính, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Quyết định chấp thuận đề nghị tạm ngừng hoạt động của dự án theo đề nghị của Nhà đầu tư; Quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC); Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư với Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Và các thẩm quyền khác cơ quan đăng ký đầu tư được phân cấp thực hiện tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### k) Quản lý lao động

Thực hiện quản lý lao động theo quy định của pháp luật về lao động và theo ủy quyền của các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm:

- Chấp thuận việc đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày;

- Tiếp nhận khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao;

- Xác nhận địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong khu công nghệ cao; Xác nhận người nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động làm việc trong khu công nghệ cao; xác nhận việc tổ chức làm thêm từ 200-300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao; xác nhận hệ thống thang

lương, bảng lương, định mức lao động của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động đầu tư tại khu công nghệ cao;

- Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép lao động cho người nước ngoài hoạt động trong khu công nghệ cao; cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại khu công nghệ cao;

- Chấp thuận kế hoạch sử dụng lao động nước ngoài của doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghệ cao; cho phép nhà thầu tại khu công nghệ cao được tuyển dụng lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam;

#### l) Quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện thương mại của tổ chức và thương nhân nước ngoài tại khu công nghệ cao; chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện thương mại theo quy định của pháp luật;

- Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo ủy quyền;

- Xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư hoạt động tại khu công nghệ cao theo ủy quyền.

#### m) Quản lý khoa học và công nghệ

- Tổ chức đánh giá chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí về khoa học và công nghệ; kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện cam kết về khoa học - công nghệ của các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận và triển khai thực hiện các nguồn vốn, nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao. Thúc đẩy kết nối các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, tạo nền tảng và môi trường thuận lợi cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao;

- Hỗ trợ, tổ chức thực hiện ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tiếp nhận, quảng bá, trình diễn và chuyển giao công nghệ; đào tạo, sát hạch và cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về ươm tạo, đào tạo, sát hạch, chuyển giao công nghệ cao, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và cung ứng nhân lực công nghệ cao.

#### n) Cung cấp các dịch vụ hành chính công

- Cơ quan quản lý khu công nghệ cao chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dịch vụ hành chính công liên quan đến tổ chức,

cá nhân hoạt động tại khu công nghệ cao trong các lĩnh vực được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý theo cơ chế "một cửa" hoặc "một cửa liên thông";

- Hồ sơ, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Cơ quan Thuế, Hải quan bố trí trụ sở làm việc tại khu công nghệ cao quốc gia để thực hiện thủ tục về thuế, hải quan cho các tổ chức, cá nhân đầu tư tại khu công nghệ cao theo cơ chế "một cửa", "tại chỗ".

#### **o) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát**

- Lập biên bản đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, đầu tư, lao động tại khu công nghệ cao và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xử lý theo quy định;

- Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, xây dựng, kế hoạch, đầu tư, môi trường, đất đai, lao động, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác tại khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

#### **p) Quản lý tài chính**

- Tổ chức thu, nộp tiền thuê đất, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền xử lý nước thải, tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư vào ngân sách nhà nước theo quy định;

- Tổ chức thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

#### **q) Quản lý tổ chức, bộ máy**

- Quản lý về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và người lao động; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan quản lý khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng vị trí việc làm, định mức biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cơ quan quản lý khu công nghệ cao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 34. Thanh tra, xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao**

#### **1. Hình thức và phương thức hoạt động thanh tra.**

a) Hoạt động thanh tra việc chấp hành pháp luật tại khu công nghệ cao được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

b) Việc thanh tra theo chương trình, kế hoạch được tiến hành theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, định kỳ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu giải quyết của việc khiếu nại, tố cáo hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

d) Việc thanh tra được thực hiện theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập và thực hiện hoạt động thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## 2. Thẩm quyền thanh tra, kiểm tra tại khu công nghệ cao

- Cơ quan thanh tra chuyên ngành phối hợp với cơ quan quản lý khu công nghệ cao lập chương trình, kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật tại khu công nghệ cao.

- Cơ quan thanh tra chuyên ngành phối hợp với cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra theo chương trình, kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất việc chấp hành pháp luật tại khu công nghệ cao.

- Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra.

## 3. Xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao

- Cơ quan quản lý khu công nghệ cao lập biên bản đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý tại khu công nghệ cao; chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục và thẩm quyền xử phạt thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

## Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các khu công nghệ cao đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đất trước ngày 01 tháng 07 năm 2014 và đang hoạt động nhưng chưa hoàn thành toàn bộ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, việc xác định tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà người sử dụng đất phải hoàn trả cho Nhà nước quy định tại điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả được tính bình quân cho toàn bộ khu công nghệ cao.

b) Mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả bình quân được xác định bằng tổng chi phí bồi giải phóng mặt bằng tính theo tổng mức đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của khu công nghệ cao được Cơ quan nhà nước có

thẩm quyền phê duyệt chia cho tổng diện tích đất khu công nghệ cao theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt cần phải bồi thường giải phóng mặt bằng. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao xác định, ban hành mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả bình quân của khu công nghệ cao, thông báo cho người sử dụng đất số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng phải hoàn trả đối với từng dự án.

c) Đối với các khu đất chưa hoàn thành giải phóng mặt bằng tính đến thời điểm Cơ quan quản lý khu công nghệ cao ban hành mức thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả quy định tại điểm b khoản này nhưng cần phải thu hút đầu tư, Cơ quan quản lý khu công nghệ cao đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện bồi thường giải phóng mặt bằng khu đất bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc vốn ứng của người sử dụng đất trước khi quyết định giao đất, cho thuê đất. Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả được tính bằng mức thu bình quân quy định tại điểm b khoản này nhân với diện tích đất giao, cho thuê.

Trường hợp người sử dụng đất tự nguyện ứng trước tiền để bồi thường giải phóng mặt bằng, số tiền đã ứng được khấu trừ vào tiền thuê đất, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà người sử dụng đất phải hoàn trả cho Nhà nước xác định theo quy định tại điểm này.

2. Doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được hưởng chế độ đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này khi đáp ứng đủ các điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan.

### **Điều 36. Tổ chức thực hiện và Hiệu lực thi hành**

1. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ ....

2. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

.....  
3. Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế khu công nghệ cao hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ...

4. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ....